SỞ Y TẾ HÀ GIANG **BVĐK HUYỆN ĐỒNG VĂN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 246 /CV-BV V/v mời tham gia thẩm định giá HC, VTXN, TBYT và HC khác	*Đồng Văn, ngày 20 tháng 6 năm 2025*

Kính gửi: Các doanh nghiệp thẩm định giá.

Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Văn kính mời các Doanh nghiệp có chức năng thẩm định giá tham gia thẩm định giá các mặt hàng thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm, vật tư khác . Thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung ứng mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế và hóa chất khác bổ sung lần 1năm 2025 của Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Văn, để Bệnh viện có cơ sở xây dựng đơn giá kế hoạch cho các gói thầu trên *(Có phụ lục đính kèm)*.

Nếu các doanh nghiệp thẩm định giá quan tâm, đề nghị gửi hồ sơ năng lực và bảng phí dịch vụ thẩm định giá về Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Văn chậm nhất đến 17 giờ 00 phút ngày 26/6/2025.

Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ năng lực: khoa Dược - Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Văn, Tổ 7 thị trấn ĐồngVăn, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang. Điện thoại: 0915. 566.752.

Rất mong nhận được sự tham gia từ phía các doanh nghiệp.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận: - Như trên; - Website bệnh viện; - Website Sở Y tế Hà Giang; - Lưu: VT, KD.	**GIÁM ĐỐC** SỞ Y TẾ TỈNH HÀ GIANG BỆNH VIỆN ĐA KHOA H ĐỒNG VĂN **Sần Văn Cương**

PHỤ LỤC

DANH MỤC THIẾT BỊ Y TẾ, HÓA CHẤT, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM VÀ VẬT TƯ KHÁC NĂM 2025-2026

(Kèm theo Công văn số 246/CV-BV ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Văn)

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
1	Gạc hút y tế khổ 1.2m	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có hóa chất tẩy trắng, không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Độ pH: trung tính. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép	Mét	5.000	Công ty TNHH Xuất khẩu dệt Giang Giang. Việt Nam	
2	Kim chíc máu nội soi tiêu hóa các loại, các cỡ	Đường kính 2,3mm, dài 2300mm, chiều dài kim 4mm	Cái	20	Vedkang Trung Quốc	
3	Kim laser nội mạch, đầu đốt, dây đốt, ống thông laser nội mạch các loại, các cỡ	Dây quang dẫn laser nội mạch được sử dụng 1 lần dùng chủ yếu trong điều trị laser nội mạch. Sợi quang được làm từ chất liệu ETFE nên mềm, dẻo và có thể giữ được song song với mạch máu. - Sợi quang Loại: đơn mode, Chất liệu: ETFE Đường kính sợi quang: 0.5 mm Chiều dài sợi quang: 4mm	Cái	100	Guilin Kangxi ng Medica l Instru ment Co., Ltd; Trung Quốc	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
		- Đầu chui Đường kính lớn: 7mm Đường kính nhỏ: 0.5 mm Chiều dài: 25 mm - Nắp bảo vệ Đường kính lớn: 5mm Đường kính nhỏ: 3 mm Chiều dài: 60 mm				
4	Dây dẫn hướng các loại, các cỡ	Chất liệu PTFE, cỡ 0,035" dài 150 cm, loại thẳng, dùng 1 lần	Bộ	20	Tianck Medica Trung Quốc	
5	Ống nghiệm thủy tinh (nước tiểu)	Là loại ống thuỷ tinh hình trụ, có đáy tròn. Kích thước: ø16mm x 160mm x 0,8mm Ống nghiệm trong suốt, không màu, không mùi, không có các tạp chất bên trong ống nghiệm.	Ống	20.000	Lương Tâm - Việt Nam	
6	Ống ca-nuyn mở khí quản các loại, các cỡ	Được làm tối thiểu bằng vật liệu cảm ứng nhiệt, có đủ độ cứng ban đầu để chèn, xác nhận với đường hô hấp trên của từng bênh nhân ở nhiệt độ cơ thể. Bóng chèn áp suất thấp thể tích cao, giảm thiểu nguy cơ chấn thương. Tối thiểu có các size từ 4.0 đến 9.0 Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	5	Hitec - Trung Quốc	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
7	Ống thông khí hòm nhĩ các loại, các cỡ (ống thông khí màng nhĩ)	Đường kính 1.1mm đến 1,27, được làm bằng chất liệu nhựa Fluoroplastic, firm silicone cứng, màu xanh	Cái	10	EON Meditech PVT. LTD – Ấn Độ	
8	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng	Catheter tĩnh mạch trung tâm kích cỡ 7Fx20cm. Bao gồm tối thiểu: 01 catheter 2 nóng (14Ga/18Ga) chất liệu polyurethane có quảng quang với đầu mềm, dây nối dài, kẹp dây, cánh tiêm+01 dây dẫn đường kim loại. Nitinol 1 dầu thẳng mềm, 1 đầu chữ J, kích cỡ 0,032"" x60 cm +01 kim dẫn đường 18Gx 6,5cm (Introducer Needle) +01 bơm tiêm 5ml+02 kẹp+1 nong 8Fx10cm(Vessel dilator) +02 nắp bảo vệ+01 chỉ liền kim+dao mổ số 11. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	10	Baihe - Trung Quốc	
9	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	Catheter tĩnh mạch trung tâm kích cỡ 7Fx20cm. Bao gồm tối thiểu: 01 catheter 3 nòng (18Ga; 18Ga; 16Ga) chất liệu polyurethane có quảng quang với đầu mềm, dây nối dài, kẹp dây, cánh tiêm+01 dây dẫn đường kim loại/ Nitinol mềm dẻo, 1 đầu chữ J, kích cỡ 0,035"" x60 cm+01 kẹp catheter +01 kim dẫn đường 18Gx 6,5cm(Introducer Needle) +01 bơm tiêm 5ml+3 kẹp+1 nong 8Fx10cm(Vessel dilator) +03 nắp bảo vệ+01 kim tiêm+dao mổ số 11.	Cái	10	Baihe - Trung Quốc	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
		Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương				
10	bản cực trung tính cho dao điện sử dụng 1 lần các loại, các cỡ	Làm từ vật liệu dẫn điện như cao su dẫn điện,hydrogel hoặc các loại gel dẫn điện khác kích thước từ 150x 240mmm	Cái	30	Cathay - Trung Quốc	
11	Thông giỏ dormia trong nội soi lấy sỏi niệu quản các loại, các cỡ (Rọ lấy sỏi)	Đường kính 3 – 4 Fr., chiều dài 90 cm, loại 4 dây dùng để lấy sỏi niệu quản, loại dùng 1 lần	Cái	5	DLR Medikal Thổ nhĩ kỳ	
12	Sonde JJ các loại, các cỡ	Chất liệu Silicon hoặc nhựa dẻo đường kính 5-7Fr dài 22-26cm	Cái	100	Hunan reborn Medical Trung Quốc	
13	Ống đo chức năng hô hấp	Đường kính ngoài 28mm chiều dài 30mm vật liệu giấy	Ống	400	Sibel.S.A.U Tây Ban Nha	
14	Chỉ thị hóa học đơn thông số (Hấp ướt)	Chỉ thị hóa học hơi nước 1250 là dải giấy rộng 1,5cm dài 20cm được in bằng mực chỉ thị hóa học chuyển từ màu trắng sang màu đen khi tiếp xúc với quá trình tiệt trùng hơi nước. Giá trị đạt cho chỉ thị hóa học hơi nước 1250 là 3 phút ở 134°C. Quy cách: Hộp/240 miếng.	Hộp	20	3M Company/ Mỹ	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
15	Chỉ thị hóa học đa thông số (Hấp ướt)	Chỉ thị hóa học hơi nước 1243 được sử dụng để giám sát chất lượng tiệt khuẩn bên trong mỗi gói dụng cụ* Bao gồm một bấc giấy và viên hóa chất nhạy cảm với hơi nước và nhiệt độ được chứa trong giấy / màng phim / tấm mỏng. Viên hóa chất chảy và ngấm vào phần màu tối dọc theo bấc giấy. Hiện tượng hóa chất ngấm có thể nhìn thấy được qua một ô màu xanh lục được đánh dấu "ACCEPT" hoặc một ô màu đỏ được đánh dấu "REJECT", mức độ ngấm phụ thuộc vào hơi nước, thời gian và nhiệt độ. Là chỉ thị tích hợp nhóm 5 được phân loại theo ISO 11140-1:2014. Quy cách: Gói/500 miếng.	Gói	10	3M Company/ Mỹ	
16	Test thử nhanh phát hiện kháng thể virus viêm gan C	"Que thử xét nghiệm miễn dịch định tính, kỹ thuật màng và kháng nguyên kép để phát hiện các kháng thể kháng HCV trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần. Hiệu quả chẩn đoán so với phương pháp HCV EIA: - Độ nhạy tương quan: 100% - Độ đặc hiệu tương quan: 99.3% - Độ chính xác tương quan: 99.5% - Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: >99% Không lây nhiễm chéo bởi: Virus gây suy giảm miễn dịch ở người, Virus Herpes simplex-2 IgM,	Test	1000	ACON Biotech (Hangzhou) Co., Ltd. / Trung Quốc	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
		Kháng insulin, Yếu tố dạng thấp Không bị gây nhiễu bởi các chất sau ở nồng độ tương ứng: Acetaminophen 20mg/dl, Sulfamethoxazole 40mg/dl, Ibuprofen 50mg/dl Đọc kết quả ở phút thứ 10 Phân loại BYT: D				
17	Test thử ma túy 5 trong 1 (MOP/AMP/THC/COD/HER)	"Định tính sự có mặt 5 loại ma túy và chất chuyển hóa ma túy trong nước tiểu người: Thành phần: Amphetamine (AMP), Marijuana (THC), Morphine (MOP), Codein (COD), Heroin (6-MAM) Độ nhạy, độ đặc hiệu, độ chính xác với tiêu chuẩn GC/MS - Đối với AMP : Độ nhạy: > 99.9%, Độ đặc hiệu: > 99.9%; Độ chính xác: > 99.9% - Đối với THC : Độ nhạy: > 99.9%; Độ đặc hiệu: > 99.9%; Độ chính xác: > 99.9% - Đối với MOP : Độ nhạy: > 99.9%; Độ đặc hiệu: > 99.9%; Độ chính xác: > 99.9% - Đối với COD : Độ nhạy: > 99.9%; Độ đặc hiệu: > 99.9%; Độ chính xác: > 99.9% - Đối với 6-MAM : Độ nhạy: > 99.9%; Độ đặc hiệu: > 99.9%; Độ chính xác: > 99.9% Ngưỡng phát hiện: AMP (1.000 ng/ml); THC (50 ng/ml); MOP (300 ng/ml); COD (300 ng/ml); 6-	Test	3000	Hangzhou Tongzhou Biotechnology Co., Ltd/Trung Quốc	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
		MAM (10 ng/mL) Đọc kết quả sau 5 phút Kết quả xét nghiệm không bị ảnh hưởng bởi pH từ 5-9. Tỷ trọng nước tiểu trong khoảng 1.005 - 1.045 không ảnh hưởng kết quả Độ chính xác đạt ≥75% đối với mẫu có nồng độ ±25% ngưỡng cắt và đạt 100% độ chính xác với mẫu âm tính và mẫu có nồng độ ±50% ngưỡng cắt. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, FSC"				
18	Test nhanh HP nội soi dạ dày	Định tính phát hiện sự có mặt kháng thể H. pylori (IgM/IgG/IgA) trong huyết thanh/huyết tương người Thành phần: Màng nitrocellulose được phủ kháng nguyên đặc hiệu H.pylori và kháng thể IgG kháng thỏ của dê cùng với hệ keo liên hợp vàng của kháng nguyên đặc hiệu H.pylori và IgG thỏ Độ chính xác: 91,8%; Độ nhạy: 91%; Độ đặc hiệu: 92,7% Ngưỡng phát hiện: Nồng độ 1: 500 mẫu dương tính với Hp (OD: 0.349) Đọc kết quả sau 20 phút	Test	400	Oscar Medicare Pvt., Ldt./ Ấn độ	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
19	Nẹp khóa mắt xích	Chất liệu Titanium. Độ dày nẹp ≤ 2.8 mm, rộng khoảng 10mm. Có từ ≤ 4 - ≥ 18 lỗ, gồm tối thiểu 12 loại. Chiều dài từ ≤ 46 - ≥ 214 mm. Đạt chứng chỉ lưu hành tự do của mỹ CFG	Cái	5	Beijing Libeier Bio-engineering Institute Co., Ltd/ Trung Quốc	
20	Nẹp khóa bản hẹp, các cỡ	Chất liệu Titanium. Nẹp dày khoảng 4.0mm, rộng trong khoảng13.5 mm, chiều dài từ ≤ 97 - ≥ 259mm. Số lỗ từ ≤ 5 - ≥ 14 lỗ, gồm tối thiểu 8 loại. kết hợp lỗ khóa và lỗ thường. Đạt chứng chỉ lưu hành tự do của mỹ CFG	Cái	8	Beijing Libeier Bio-engineering Institute Co., Ltd/ Trung Quốc	
21	Nẹp khóa bản nhỏ các cỡ	Chất liệu Titanium. Độ dày nẹp ≥ 3.2mm, độ rộng khoảng 11 mm. Số lỗ từ ≤ 4 - ≥ 12 lỗ. Chiều dài từ ≤ 52 - ≥ 156mm. Lỗ kết hợp dùng vít khóa 3.5mm tự taro và vít xương cứng 3.5mm tự taro. Đạt chứng chỉ lưu hành tự do của mỹ CFG	Cái	8	Beijing Libeier Bio-engineering Institute Co., Ltd/ Trung Quốc	
22	Nẹp khóa bản rộng các cỡ	Chất liệu Titanium. Số lỗ từ ≤ 5 - ≥ 18 lỗ, chiều dài từ ≤ 98 - ≥ 330 mm, kết hợp lỗ khóa và lỗ thường. Độ dày nẹp khoảng 6 mm, độ rộng ≥ 17,5 mm. Đạt chứng chỉ lưu hành tự do của mỹ CFG	Cái	8	Beijing Libeier Bio-engineering Institute Co., Ltd/ Trung Quốc	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
23	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay các cỡ	Chất liệu Titanium. Số lỗ từ ≤ 3 - ≥ 17 lỗ, chiều dài từ ≤ 102 - ≥ 270mm. Lỗ kết hợp lỗ khóa và lỗ thường. Độ dày nẹp khoảng 3 mm, độ rộng khoảng 12 mm. Đạt chứng chỉ lưu hành tự do của mỹ CFG	Cái	3	Beijing Libeier Bio-engineering Institute Co., Ltd/ Trung Quốc	
24	Nẹp khóa đầu dưới xương quay các cỡ	Chất liệu Titanium. Số lỗ từ ≤ 3 - ≥ 5 lỗ trên thân bước tăng 1 mm, chiều dài gồm từ ≤ 52 - ≥ 74 mm, 3 lỗ trên đầu. Lỗ kết hợp lỗ khóa và lỗ thường. Độ dày nẹp khoảng 1.6 mm, độ rộng khoảng 10 mm. Đạt chứng chỉ lưu hành tự do của mỹ CFG	Cái	4	Beijing Libeier Bio-engineering Institute Co., Ltd/ Trung Quốc	
25	Nẹp khóa xương đòn các cỡ	Chất liệu titanium, số lỗ từ ≤ 6 - ≥10 lỗ, chiều dài ≤ 70 - ≥114mm. Độ dày nẹp khoảng 3 mm, độ rộng khoảng 10 mm. Đạt chứng chỉ lưu hành tự do của mỹ CFG	Cái	8	Beijing Libeier Bio-engineering Institute Co., Ltd/ Trung Quốc	
26	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi các cỡ	Chất liệu Titanium. Số lỗ từ ≤ 6- ≥14 lỗ, chiều dài từ ≤ 170 - ≥ 325mm, kết hợp lỗ khóa và lỗ thường. Độ dày nẹp khoảng 6 mm, độ rộng khoảng 16mm. Đạt chứng chỉ lưu hành tự do của mỹ CFG	Cái	2	Beijing Libeier Bio-engineering Institute Co., Ltd/ Trung Quốc	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
27	Nẹp khóa đầu trên xương đùi các cỡ	Chất liệu Titanium. Số lỗ từ ≤ 2 - ≥ 14 lỗ, chiều dài từ ≤ 120 - ≥ 335mm, kết hợp lỗ khóa và lỗ thường. Độ dày nẹp khoảng 6 mm, độ rộng khoảng 18 mm. Đạt chứng chỉ lưu hành tự do của mỹ CFG	Cái	4	Beijing Libeier Bio-engineering Institute Co., Ltd/ Trung Quốc	
28	Nẹp khóa đầu dưới xương chày các cỡ	Chất liệu Titanium. Số lỗ từ ≤ 5 - ≥ 13 lỗ, chiều dài từ ≤ 116 - ≥ 260 mm. Độ dày nẹp khoảng 3mm, độ rộng khoảng 15 mm. Đạt chứng chỉ lưu hành tự do của mỹ CFG	Cái	4	Beijing Libeier Bio-engineering Institute Co., Ltd/ Trung Quốc	
29	Nẹp khóa đầu trên xương chày, các cỡ	Chất liệu Titanium. Số lỗ từ ≤ 3 - ≥ 13 lỗ, chiều dài từ ≤ 88- ≥ 268 mm và 5 lỗ ở đầu trên, kết hợp lỗ khóa và lỗ thường. Độ dày nẹp khoảng 3.7 mm, độ rộng khoảng 14 mm. Đạt chứng chỉ lưu hành tự do của mỹ CFG	Cái	4	Beijing Libeier Bio-engineering Institute Co., Ltd/ Trung Quốc	
30	Vít khóa đường kính 3.5mm	Chất liệu hợp kim Titanium, tự taro. Đường kính 3.5mm. Chiều dài từ 8 - 40mm bước tăng ≤ 2mm; Chiều dài từ 45 - 80mm bước tăng ≤ 5mm. Đạt chứng chỉ lưu hành tự do của mỹ CFG	Cái	176	Beijing Libeier Bio-engineering Institute Co., Ltd/ Trung Quốc	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
31	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro	Chất liệu hợp kim Titanium, toàn ren, tự taro. Đường kính 3.5mm. Chiều dài từ 8 - 40mm bước tăng ≤ 2 mm; Chiều dài từ 40 - 90mm bước tăng ≤ 5 mm. Đạt chứng chỉ lưu hành tự do của mỹ CFG	Cái	28	Beijing Libeier Bio-engineering Institute Co., Ltd/ Trung Quốc	
32	Vít khóa đường kính 5.0mm	Chất liệu hợp kim Titanium. Đường kính 5.0mm, đầu vít tự taro, chiều dài từ ≤ 10 - ≥ 90mm. Đạt chứng chỉ lưu hành tự do của mỹ CFG	Cái	224	Beijing Libeier Bio-engineering Institute Co., Ltd/ Trung Quốc	
33	Vít xương cứng 4.5mm, tự taro	Chất liệu hợp kim Titanium, thân toàn ren, đầu vít tự tạo ren. Đường kính 4.5mm. Chiều dài từ ≤ 18 - ≥ 100mm. Đạt chứng chỉ lưu hành tự do của mỹ CFG	Cái	30	Beijing Libeier Bio-engineering Institute Co., Ltd/ Trung Quốc	
34	Vít rỗng khóa	Chất liệu Titanium, thân toàn ren, rỗng nòng. Đường kính 6.5mm, chiều dài từ ≤ 45 - ≥ 105 mm bước tăng ≤ 5mm. Đạt chứng chỉ lưu hành tự do của mỹ CFG	Cái	12	Beijing Libeier Bio-engineering Institute Co., Ltd/ Trung Quốc	
35	Đinh Kitsner các cỡ, Vật liệu thép không gỉ	Đường kính 1.2mm, 1.4mm, 1.5mm, 1.6mm, 1.8mm, 2.0mm, 2.2mm, 2.4mm, 2.5mm, 3.0mm, dài 310mm, một đầu nhọn. Chất liệu thép không gỉ. Xuất xứ G7	Cái	100	AF Medical GmbH/Đức	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
36	Nẹp mini hàm trên 6 lỗ	Chất liệu Titanium. Nẹp mini hàm trên 6 lỗ thẳng cho vít titan 2.0 mm; dầy 1mm, rộng 5mm, dài 26mm. Có chứng nhận EN ISO 13485:2016 do TÜV SÜD cấp ; EC: 93/42/EEC do TÜV SÜD cấp; FDA. Có trợ cụ tương thích. Xuất xứ G7	Cái	5	Dimeda Instrumente GmbH/ Đức	
37	Vít xương mini 2.1	Chất liệu titanum. Vít Ø 2.0 mm: đường kính mũ vít 3.0 mm; đường kính thân vít 2.0 mm. Vít tự khoan, tự taro. Đường rãnh trên mũi vít chế tạo đảm bảo không bị nhờn, lỏng khi bắt, không toe đầu vít. Có chứng nhận ISO 13485, CE, FDA. Xuất xứ G7	Cái	20	Dimeda Instrumente GmbH/ Đức	
38	Nẹp góc hàm chữ V 6 lỗ	Chất liệu Titanium. Loại 6 lỗ, dầy 1.5mm. làm vít 2.3, dài 40mm, có khoảng cách bắc cầu 5 mm. Có chứng nhận EN ISO 13485:2016 do TÜV SÜD cấp ; EC: 93/42/EEC do TÜV SÜD cấp; FDA. Có trợ cụ tương thích. . Xuất xứ G7	Cái	5	Dimeda Instrumente GmbH/ Đức	
39	Vít maxi 2,3mm - Tự Taro	Vít 2.3 mm; chất liệu titanium; đường kính mũ vít 3.0 mm; đường kính thân vít 2.3 mm, dài 5,7,9,11,13 mm, đầu vít tự taro, mũ vít hình 4 cạnh. Có chứng nhận EN ISO 13485:2016 do TÜV SÜD cấp ; EC: 93/42/EEC do TÜV SÜD cấp, FDA. Có trợ cụ tương thích. Xuất xứ G7	Cái	20	Dimeda Instrumente GmbH/ Đức	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
40	Bộ thuốc thử, chất chuẩn xét nghiệm định lượng Acid uric	Hóa chất định lượng Uric Acid / Phương pháp đo Uricase/POD; dải đo 0.1~20 mg/dL. Hộp ≥(5x60 mL + 5x20 mL) shelf-life 24 tháng Tiêu chuẩn kỹ thuật EN ISO 13485:2016 Thành phần hoạt chất: R1: N-(2—hydroxy-3-sulfopropyl)-3,5- dimethylanilin sodium (HDAOS); Ascorbate oxidase (AOD); Peroxidase R2: Uricase; Peroxidase (POD); 4-Aminoantipyrine (4-AA)	Hộp	2	UMA Co., Ldt/ Nhật Bản	
41	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CRP	Hóa chất định lượng CRP Hóa chất định lượng CRP / Phương pháp đo Latex turbidity; dải đo 0.03 ~32 mg/dL. Hộp (1x60 mL+1x60 mL) shelf-life 12 tháng Tiêu chuẩn kỹ thuật EN ISO 13485:2016 Thành phần hoạt chất: R1: Saline Buffer R2: anti-human CRP rabbit antibodysensitized latex Xuất xứ: UMA Co., Ldt/Nhật Bản	Hộp	10	UMA Co., Ldt/ Nhật Bản	
42	IVD pha loãng dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Hoá chất pha loãng dùng cho máy huyết học Thành phần: Organic buffer < 0,1 % Sodium salts < 1,0 % Natrium azide < 0,05 % Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO13485 Quy cách: 10 lít	Thùng	10	SFRI SAS/ PHÁP	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
43	IVD rửa dùng cho máy huyết học	Hoá chất rửa thường quy dùng cho máy huyết học Thành phần: Organic buffer < 0,5 % Sodium salts < 2,0 % Proteolytic enzyme < 0,5% Preservative < 0,05 % Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO13485 Quy cách: 1 lít	Chai	10	SFRI SAS/ PHÁP	
44	IVD ly giải dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Hoá chất ly giải hồng cầu, giải phóng HGB. Thành phần: Ammonium salts < 3,0 % Potassium cyanide < 0,05 % Đạt tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO13485 Quy cách: 1 lít	Chai	7	SFRI SAS/ PHÁP	
45	IVD rửa dùng cho máy huyết học	Dung dịch rửa đậm đặc, dùng trong các trường hợp đặc biệt. Sodium hypochlorite < 4.0% vừa đủ 500ml Đạt tiêu chuẩn Iso 13485 Quy cách: 0.5 lít	Lọ	2	SFRI SAS/ PHÁP	
46	Chất chuẩn xét nghiệm huyết học	Dùng cho kiểm chuẩn máy huyết học 3 thành phần Bạch cầu Đạt tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO 13485. Đóng gói lọ 3ml	Lọ	2	SFRI SAS/ PHÁP	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
47	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HbA1c	*Bộ hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang (FIA) để xác định định lượng HbA1c (Hemoglobin A1c) trong máu toàn phần của người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm miễn dịch sandwich *Thành phần gồm: Cartridge, Ống đệm phát hiện, Lọ đệm tán huyết, Hướng dẫn sử dụng và ID chip. - Cartridge chứa màng được gọi là dải xét nghiệm, mà kháng HbA1c người ở vạch xét nghiệm và IgG của thỏ ở vạch kiểm soát. - Bộ đệm phát hiện chứa chất liên hợp huỳnh quang A0 chống hemoglobin người, chất liên hợp huỳnh quang IgG từ dê kháng thỏ, albumin huyết thanh của bò (BSA) như một chất ổn định và natri azide làm chất bảo quản trong nước muối đệm phosphat (PBS). - Dung dịch đệm tán huyết chứa tween 20 và sodium azide như một chất bảo quản trong nước muối đệm phosphat (PBS) *Dải làm việc: NGSP (%): 4-15 %	Hộp	12	Boditech. Hàn Quốc	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
48	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ASO	*Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang (FIA) để xác định định lượng của Anti Streptolysin O (ASO) trong huyết thanh/huyết tương người. *Nguyên lý đo: Phương pháp xét nghiệm miễn dịch sandwich *Thành phần: - Cartridge chứa màng gọi là dải xét nghiệm có protein SLO ở vạch xét nghiệm và IgY gà ở vạch kiểm soát. - Đệm phát hiện có dung dịch đệm phát hiện đông khô chứa liên hợp phát quang protein SLO, liên hợp huỳnh quang kháng gà, IgG chuột như chất chặn, sucrose và albumin huyết thanh (BSA). - Dung dịch pha loãng chứa anzergent, albumin huyết thanh bò (BSA) như một chất ổn định và sodium azide trong dung dịch đệm dung dịch đệm photphate (PBS) như một chất bảo quản. *Dải làm việc: 25-800 IU/mL		5	Boditech. Hàn Quốc	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
49	IVD nhuộm tế bào dùng cho máy xét nghiệm huyết học	tham gia quá trình phân biệt thành phần bạch cầu trong kênh DIFF cùng với M-6LD LYSE dùng cho máy huyết học tự động BC Quy cách: 12mL×4. *Thành phần: Fluorochrome: ≤ 0.01% Ethylene Glycol: 94-99 %	Hộp	10	Mindray/ Trung Quốc	
50	IVD nhuộm tế bào dùng cho máy xét nghiệm huyết học	tham gia vào việc đo lường các thông số liên quan đến NRBC cùng với M-6LN LYSE tương thích dùng cho máy huyết học tự động BC Quy cách: 12mL×4 *Thành phần: Fluorochrome: ≤ 0.01% Ethylene Glycol: 94-99 %	Hộp	10	Mindray/ Trung Quốc	
51	Thuốc thử xét nghiệm định lượng FT3	*Hóa chất xét nghiệm định lượng free triiodothyronine (FT3) trong huyết thanh người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm miễn dịch liên kết cạnh tranh *Dải báo cáo : 0.88-30 pg/mL *Thành phần: - Ra: vi hạt thuận từ được phủ với streptavidin trong đệm HEPES có chất bảo quản - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng (chuột) kháng T3 -alkaline phosphatase trong đệm MES có chất bảo quản. - Rc: T3 gắn Biotin trong đệm PBS có chất bảo	Hộp	8	Mindray/ Trung Quốc	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
		quản - Rd: Đệm MES với chất bảo quản				
52	Thuốc thử xét nghiệm định lượng FT4	*Hóa chất xét nghiệm định lượng free thyroxine (FT4) trong huyết tương hoặc huyết thanh người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm miễn dịch liên kết cạnh tranh *Dải báo cáo: 0.3-6.0 ng/dL *Thành phần: - Ra: vi hạt thuận từ được phủ với streptavidin trong đệm TRIS cùng chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng (chuột) kháng T4 - alkaline phosphatase trong đệm MES cùng chất bảo quản. - Rc: T4 gắn biotin trong đệm PBS với chất bảo quản.	Hộp	8	Mindray/ Trung Quốc	
53	Thuốc thử xét nghiệm định lượng T3	*Hóa chất xét nghiệm định lượng total triiodothyronine (T3) trong huyết thanh người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm miễn dịch liên kết cạnh tranh *Dải báo cáo: 0.2 ng/mL-8.0 ng/mL *Thành phần: - Ra: Vi hạt thuận từ được phủ với streptavidin trong đệm HEPES với chất bảo quản - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng (chuột) kháng	Hộp	8	Mindray/ Trung Quốc	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
		T3 - alkaline phosphatase trong đệm MES với chất bảo quản - Rc: T3 gắn biotin trong đệm PBS với chất bảo quản - Rd: 8-Anilino-1-Napthalenesulfonic Acid (ANS) rong đệm MES với chất bảo quản				
54	Thuốc thử xét nghiệm định lượng TSH	*Hóa chất xét nghiệm định lượng thyroid-stimulating hormone (TSH) trong huyết thanh người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm sandwich 2 điểm *Dải báo cáo: 0.005-100 µIU /mL *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ được phủ với kháng thể đơn dòng (chuột) kháng TSH trong đệm MES với chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể kháng TSH - alkaline phosphatase trong đệm MES với chất bảo quản	Hộp	8	Mindray/ Trung Quốc	
55	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA125	*Hóa chất xét nghiệm định lượng kháng nguyên ung thư 125 (CA125) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm sandwich 2 điểm *Dải báo cáo: 1-5000 U / mL *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ phủ kháng thể đơn dòng (chuột) kháng CA125 trong đệm TRIS với chất bảo quản.	Hộp	8	Mindray/ Trung Quốc	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
		- Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng (chuột) kháng CA125 - alkaline phosphatase trong bộ đệm PBS với chất bảo quản.				
56	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA19-9	*Hóa chất xét nghiệm định lượng kháng nguyên carbohydrate 19-9 (CA19-9) trong huyết tương hoặc huyết thanh người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm sandwich 2 điểm *Dải báo cáo: 1.0-2000 U/mL *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ phủ kháng thể đơn dòng (chuột) kháng CA 19-9 trong đệm TRIS với chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng (chuột) kháng CA 19-9-alkaline phosphatase trong đệm MES với chất bảo quản. - Rc: Đệm TRIS với chất bảo quản.	Hộp	8	Mindray/ Trung Quốc	
57	Thuốc thử xét nghiệm định lượng PSA toàn phần	*Hóa chất xét nghiệm định lượng kháng nguyên đặc hiệu tuyến tiền liệt toàn phần (PSA toàn phần, t-PSA) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm sandwich 2 điểm *Dải báo cáo: 0.008-100 ng/mL *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ được phủ với kháng thể đơn dòng (chuột) kháng PSA trong đệm TRIS với	Hộp	8	Mindray/ Trung Quốc	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
		chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng kháng PSA (chuột)- alkaline phosphatase trong đệm PBS với chất bảo quản				
58	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CEA	*Hóa chất xét nghiệm định lượng kháng nguyên carcinoembryonic (CEA) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. *Nguyên lý đo: Xét nghiệm sandwich 2 điểm *Dải báo cáo: 0.2-1000 ng/mL *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ phủ kháng thể đơn dòng (chuột) kháng CEA trong đệm TRIS với chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng chống CEA (chuột) - alkaline phosphatase trong đệm MES với chất bảo quản.	Hộp	8	Mindray/ Trung Quốc	
59	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AFP	*Hóa chất xét nghiệm định lượng alpha-fetoprotein (AFP) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. *Nguyên lý đo: Xét nghiệm sandwich 2 điểm *Dải báo cáo: 0.5-1210 ng/mL *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ phủ kháng thể đơn dòng (chuột) kháng AFP trong đệm TRIS với chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng	Hộp	8	Mindray/ Trung Quốc	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
		(chuột) kháng AFP – alkaline phosphatase trong đệm PBS với chất bảo quản. - Rc: Đệm TRIS có chất bảo quản.				
60	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA15-3	*Hóa chất xét nghiệm định lượng kháng nguyên ung thư 15-3 (CA15-3) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. *Nguyên lý đo: Xét nghiệm sandwich 2 điểm *Dải báo cáo: 1.0-500 U/mL *Thành phần: - Ra: vCác vi hạt thuận từ phủ kháng thể đơn dòng (chuột) kháng CA15-3 trong đệm TRIS với chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng (chuột) kháng CA15-3 -alkaline phosphatase trong đệm MES với chất bảo quản. - Rc: Đệm TRIS với chất bảo quản.	Hộp	8	Mindray/ Trung Quốc	
61	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CYFRA 21-1	*Hóa chất xét nghiệm định lượng CYFRA 21 – 1 trong huyết tương hoặc huyết thanh người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm miễn dịch 2 điểm *Dải báo cáo: 0.1-500 ng/mL *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ được phủ với kháng thể đơn dòng (chuột) kháng CYFRA 21-1 trong đệm	Hộp	8	Mindray/ Trung Quốc	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
		MES với chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng kháng CYFRA 21-1 (chuột)- alkaline phosphatase trong đệm TRIS với chất bảo quản				
62	Thuốc thử xét nghiệm định lượng β-HCG	*Hóa chất xét nghiệm định lượng tổng số β human chorionic gonadotropin (Total β HCG) trong huyết thanh người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm sandwich 2 điểm *Dải báo cáo: 0.5-5000 mIU/mL *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ phủ kháng thể đơn dòng (chuột) kháng β HCG trong đệm TRIS với chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng (chuột) kháng βHCG – alkaline phosphatase trong bộ đệm PBS với chất bảo quản. - Rc: Đệm TRIS có chất bảo quản.	Hộp	8	Mindray/ Trung Quốc	
643	Thuốc thử xét nghiệm định lượng TnI	*Hóa chất xét nghiệm định lượng TnI trong huyết thanh hoặc huyết tương người. *Nguyên lý đo: Xét nghiệm miễn dịch 2 điểm *Dải báo cáo: 0.006-50 ng/ml. *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ phủ kháng thể đơn dòng (chuột) kháng TnI trong đệm TRIS với chất bảo	Hộp	8	Mindray/ Trung Quốc	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
		quản. - Rb: Liên hợp kháng thể (chuột) kháng TnI - alkaline phosphatase trong dung dịch đệm MES với chất bảo quản. - Rc: Dung dịch tiền xử lý mẫu có chất bảo quản.				
64	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng FT3	*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng free triiodothyronine (FT3) *Quy cách : C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ * Thành phần: FT3 tổng hợp ở 3 mức nồng độ	Hộp	2	Mindray/ Trung Quốc	
65	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng FT4	*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng free thyroxine (FT4) *Quy cách : C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ * Thành phần: FT4 tổng hợp ở 3 mức nồng độ	Hộp	2	Mindray/ Trung Quốc	
66	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng T3	*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng total triiodothyronine (T3) *Quy cách : C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ * Thành phần: T3 tổng hợp ở 3 mức nồng độ	Hộp	2	Mindray/ Trung Quốc	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
67	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng TSH	*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng thyroid-stimulating hormone (TSH) *Quy cách : C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ *Thành phần: C0: đệm albumin huyết thanh bò (BSA), C1,C2: TSH ở 2 mức nồng độ.	Hộp	2	Mindray/ Trung Quốc	
68	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA125	*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Cancer Antigen 125 (CA125) *Quy cách : C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ *Thành phần: C0: đệm albumin huyết thanh bò (BSA), C1,C2: CA125 ở 2 mức nồng độ.	Hộp	2	Mindray/ Trung Quốc	
69	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA19-9	*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Carbohydrate Antigen 19-9 (CA19-9) *Quy cách : C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ *Thành phần: C0: đệm albumin huyết thanh bò (BSA), C1,C2: CA19-9 ở 2 mức nồng độ .	Hộp	2	Mindray/ Trung Quốc	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
70	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng PSA toàn phần	*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng total prostate specific antigen (t-PSA) *Quy cách : C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ * Thành phần: PSA trong đệm Albumin huyết thanh bò (BSA) ở 3 mức nồng độ.	Hộp	2	Mindray/ Trung Quốc	
71	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CEA	*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng carcinoembryonic antigen (CEA) *Quy cách : C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ *Thành phần: C0: đệm albumin huyết thanh bò (BSA), C1,C2: CEA ở 2 mức nồng độ.	Hộp	2	Mindray/ Trung Quốc	
72	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng AFP	*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Alpha-fetoprotein (AFP) *Quy cách : C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ *Thành phần: C0: đệm albumin huyết thanh bò (BSA), C1,C2: AFP ở 2 mức nồng độ.	Hộp	2	Mindray/ Trung Quốc	
73	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA15-3	*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Cancer Antigen 15-3 (CA15-3) *Quy cách : C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ *Thành phần: C0: đệm albumin huyết thanh bò (BSA), C1,C2:	Hộp	2	Mindray/ Trung Quốc	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
		CA15-3 ở 2 mức nồng độ .				
74	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CYFRA 21-1	*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng human cytokeratin 19 fragments (CYFRA 21-1) *Quy cách C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ * Thành phần: CYFRA 21-1 trong đệm Albumin huyết thanh bò (BSA) ở 3 mức nồng độ.	Hộp	2	Mindray/ Trung Quốc	
75	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng β-HCG	*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Total β human chorionic gonadotropin (HCG) *Quy cách: C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ * Thành phần: HCG trong đệm Albumin huyết thanh bò (BSA) ở 3 mức nồng độ	Hộp	2	Mindray/ Trung Quốc	
76	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Troponin I	*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Troponin I *Quy cách : C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ * Thành phần: Troponin I ở 3 mức nồng độ	Hộp	2	Mindray/ Trung Quốc	
77	Vật liệu kiểm soát mức thấp xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch	*Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp cho các xét nghiệm FT3, FT4, T3, T4, TSH,Tg * Quy cách : 3×5 mL/hộp *Thành phần: các chất FT3, FT4, T3, T4, TSH, Tg.	Hộp	2	Mindray/ Trung Quốc	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
78	Vật liệu kiểm soát mức cao xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch	*Hóa chất kiểm chuẩn mức cao cho các xét nghiệm FT3, FT4, T3, T4, TSH,Tg *Quy cách : 3×5 mL/hộp *Thành phần: các chất FT3, FT4, T3, T4, TSH, Tg.	Hộp	2	Mindray/ Trung Quốc	
79	Vật liệu kiểm soát mức thấp xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch	*Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp cho các xét nghiệm CA125, TPSA, FPSA, AFP, Ferritin, CEA, CA19-9, CA15-3 , CA 72-4, CYFRA 21-1 *Quy cách : 3×5 mL/hộp *Thành phần: các chất CA125, TPSA, FPSA, AFP, Ferritin, CEA, CA19-9, CA15-3, CA 72-4, CYFRA 21-1	Hộp	2	Mindray/ Trung Quốc	
80	Vật liệu kiểm soát mức cao xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch	*Hóa chất kiểm chuẩn mức cao cho các xét nghiệm CA125, TPSA, FPSA, AFP, Ferritin, CEA, CA19-9, CA15-3, CA 72-4, CYFRA 21-1 *Quy cách : 3×5 mL/hộp *Thành phần: các chất CA125, TPSA, FPSA, AFP, Ferritin, CEA, CA19-9, CA15-3, CA 72-4, CYFRA 21-1	Hộp	2	Mindray/ Trung Quốc	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
81	Vật liệu kiểm soát mức thấp xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch	*Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp cho các xét nghiệm FSH, Prolactin, Estradiol, Progesterone, LH, Testosterone, Estriol, Total β HCG *Quy cách : 6×5 mL/hộp *Thành phần: các chất FSH, Prolactin, Estradiol, Progesterone, LH, Testosterone, Estriol, Total β HCG	Hộp	2	Mindray/ Trung Quốc	
82	Vật liệu kiểm soát mức cao xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch	*Hóa chất kiểm chuẩn mức cao cho các xét nghiệm FSH, Prolactin, Estradiol, Progesterone, LH, Testosterone, Estriol, Total β HCG *Quy cách : 6×5 mL/hộp *Thành phần: các chất FSH, Prolactin, Estradiol, Progesterone, LH, Testosterone, Estriol, Total β HCG	Hộp	2	Mindray/ Trung Quốc	
83	Vật liệu kiểm soát mức thấp xét nghiệm định lượng TnI, BNP, MYO, CK-MB	*Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp cho các xét nghiệm Troponin I, BNP, CK-MB, Myoglobin *Quy cách : 3×2 mL/hộp *Thành phần: các chất Troponin I, BNP, CK-MB, Myoglobin	Hộp	2	Mindray/ Trung Quốc	
84	Vật liệu kiểm soát mức cao xét nghiệm định lượng TnI, BNP, MYO, CK-MB	*Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp cho các xét nghiệm Troponin I, BNP, CK-MB, Myoglobin *Quy cách : 3×2 mL/hộp *Thành phần: các chất Troponin I, BNP, CK-MB, Myoglobin	Hộp	2	Mindray/ Trung Quốc	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
85	Cuvet dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	*Cuvette phản ứng dùng cho máy CL-900i, 1000i, 1200i *Quy cách: 21*2*88/thùng (Mỗi thùng có 21 hộp, mỗi hộp có 2 khay, mỗi khay có 88 cuvette)	Thùng	5	Mindray/ Trung Quốc	
86	Hóa chất kích hoạt phản ứng hóa phát quang trong xét nghiệm miễn dịch	*Thuốc thử dùng cho các máy xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang dòng CL của Mindray *Thành phần: Dung dịch đệm chứa AMPPD, chất huỳnh quang và chất hoạt động bề mặt.	Hộp	1	Mindray/ Trung Quốc	
87	Hóa chất rửa dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	*Wash Buffer là dung dịch dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch các dòng CL của Mindray. *Thành phần: Đệm Tris, chất hoạt động bề mặt, chất bảo quản	Thùng	18	Mindray/ Trung Quốc	
88	Hộp đựng cuvet dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	*Hộp đựng cuvette đã sử dụng. *Quy cách: 10 cái/hộp	Hộp	*3*	Mindray/ Trung Quốc	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
89	Hóa chất rửa dùng cho máy xét nghiệm	*Dung dịch rửa, làm sạch kim hút bệnh phẩm/ hóa chất, mixer và cuvettes của máy xét nghiệm * Quy cách:1 lít/chai *Thành phần: KOH, chất hoạt động bề mặt không ion, chất hoạt động bề mặt polyanionic, chất đệm và chất ổn định.	Chai	*6*	Mindray/ Trung Quốc	
90	Thẻ nạp mẫu xét nghiệm cho máy đo tốc độ máu lắng	Thẻ kiểm tra Alcor Scientific Inc nhằm mục đích xử lý và phân tích các mẫu Chất liệu: Polyvinyl Chloride (PVC) Tương thích với máy đo tốc độ máu lắng miniiSED Quy cách: 1000 Tests/ cái	Cái	1	Alcor Scientific	
91	Dung dịch rửa dùng cho máy đo tốc độ máu lắng	Dung dịch rửa máy đo tốc độ máu lắng. Lọ đựng: Polyethylene mật độ cao (HDPE) Tương thích với máy đo tốc độ máu lắng miniiSED Quy cách: 4 x 500 ml Đơn vị tính: Hộp	Hộp	2	Alcor Scientific/ Mỹ	
92	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm tốc độ máu lắng	Thành phần, nồng độ: gồm các tế bào hồng cầu ổn định của con người lơ lửng trong một chất đệm lỏng và chất bảo quản. Ổn định sau mở nắp trong vòng 60 ngày Đóng gói: 2 x 4ml	Hộp	2	Alcor Scientific/ Mỹ	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
		Tương thích với máy đo tốc độ máu lắng miniiSED				
93	Que thử xét nghiệm định tính hoặc bán định lượng sinh hóa nước tiểu 10 thông số	Sản phẩm được sử dụng để bảo trì hàng ngày và rửa hệ thống dòng chảy, cũng như pha loãng mẫu. Thành phần chính: Sodium Chloride 2%, Buffers 0.2%, Surfactant 0.01%. Tương thích với Máy soi cặn nước tiểu tự động UD-500 Quy cách: 5L	Lọ	20	URIT Medical Electronic Co.,Ltd/ Trung Quốc	
94	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính hoặc bán định lượng sinh hoá nước tiểu 10 thông số	Dùng để hiệu chuẩn WBC và RBC và theo dõi hoặc đánh giá độ chính xác của kết quả xét nghiệm trên máy soi cặn nước tiểu. Thành phần chính: Hồng cầu động vật, chất chống đông máu, dung dịch bảo quản, chất cố định tế bào Tương thích với Máy soi cặn nước tiểu tự động UD-500 Quy cách: 8mLx1	Hộp	2	URIT Medical Electronic Co.,Ltd/ Trung Quốc	
	Tổng cộng: 94 mặt hàng					